

**DANH SÁCH ĐIỂM THI**

**BÀI 4 (A-VII): NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH  
LỚP TCLLCT HỆ TẬP TRUNG KHÓA 45, TẠI TRƯỜNG**

| STT | Họ và tên          | Số BD | Điểm thi | Bằng chữ | Ghi chú  |
|-----|--------------------|-------|----------|----------|----------|
| 1   | Nguyễn Thái An     | 01    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 2   | Phạm Thị Ngọc Ánh  | 02    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 3   | Lương Văn Chang    | 03    | 7,0      | Bảy      |          |
| 4   | Nguyễn Đình Chiến  | 04    | 8,0      | Tám      |          |
| 5   | Lê Mạnh Cường      | 05    | 8,0      | Tám      |          |
| 6   | Nguyễn Thùy Dung   | 06    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 7   | Đoàn Quang Dũng    | 07    | 8,0      | Tám      |          |
| 8   | Đỗ Văn Dương       | 08    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 9   | Nguyễn Khánh Duy   | 09    | 7,0      | Bảy      |          |
| 10  | Nguyễn Đình Đa     | 10    | 7,0      | Bảy      |          |
| 11  | Nguyễn Đình Đài    | 11    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 12  | Hoàng Văn Định     | 12    | 8,0      | Tám      |          |
| 13  | Lương Công Định    | 13    | 7,0      | Bảy      |          |
| 14  | Nguyễn Hữu Giang   | 14    | 7,0      | Bảy      |          |
| 15  | Nguyễn Thị Hải     | 15    | 7,0      | Bảy      |          |
| 16  | Nguyễn Thị Lệ Hằng | 16    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 17  | Đỗ Thị Hằng        | 17    | 7,0      | Bảy      |          |
| 18  | Lê Bá Hiệp         | 18    | 7,0      | Bảy      |          |
| 19  | Phương Bá Hiếu     | 19    | 7,0      | Bảy      |          |
| 20  | Hoàng Văn Hiếu     | 20    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 21  | Phạm Minh Hoàng    | 21    | 8,0      | Tám      |          |
| 22  | Lê Thị Hương       | 22    | -        | -        | Vắng thi |
| 23  | Nguyễn Thị Hương   | 23    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |



| STT | Họ và tên            | Số BD | Điểm thi | Bảng chữ | Ghi chú   |
|-----|----------------------|-------|----------|----------|-----------|
| 24  | Nguyễn Thị Hương     | 24    | 8,0      | Tám      |           |
| 25  | Trần Văn Kiên        | 25    | 7,5      | Bảy rưỡi |           |
| 26  | Lê Văn Kiên          | 26    | 7,0      | Bảy      |           |
| 27  | Nguyễn Trung Kiên    | 27    | 7,0      | Bảy      |           |
| 28  | Bùi Thị Mai Liên     | 28    | 7,0      | Bảy      |           |
| 29  | Nguyễn Ngọc Linh     | 29    | 7,5      | Bảy rưỡi |           |
| 30  | Trần Phương Bảo Linh | 30    | 8,0      | Tám      |           |
| 31  | Nguyễn Đức Long      | 31    | 8,0      | Tám      |           |
| 32  | Hoàng Văn Long       | 32    | 7,0      | Bảy      |           |
| 33  | Liễu Văn Lương       | 33    | 7,0      | Bảy      |           |
| 34  | Nguyễn Lê Minh       | 34    | 7,5      | Bảy rưỡi |           |
| 35  | Trần Thị Nhung       | 35    | 8,0      | Tám      |           |
| 36  | Nguyễn Đăng Ninh     | 36    | 7,0      | Bảy      |           |
| 37  | Nguyễn Hữu Phúc      | 37    | 7,5      | Bảy rưỡi |           |
| 38  | Dương Văn Phương     | 38    | 8,0      | Tám      |           |
| 39  | Vương Nhật Quang     | 39    | 7,5      | Bảy rưỡi |           |
| 40  | Đổng Thị Quỳnh       | 40    | 8,0      | Tám      |           |
| 41  | Hoàng Thị Sinh       | 41    | 7,0      | Bảy      |           |
| 42  | Nguyễn Nam Thái      | 42    | 7,5      | Bảy rưỡi |           |
| 43  | Ngô Quốc Thái        | 43    | 7,5      | Bảy rưỡi |           |
| 44  | Nguyễn Thị Thùy      | 44    | 8,0      | Tám      |           |
| 45  | Vũ Xuân Tĩnh         | 45    | 7,5      | Bảy rưỡi |           |
| 46  | Nguyễn Trí Tọa       | 46    | 8,0      | Tám      |           |
| 47  | Nông Ngọc Tú         | 47    | 7,0      | Bảy      |           |
| 48  | Nông Anh Tuấn        | 48    | 7,0      | Bảy      |           |
| 49  | Trương Thanh Tùng    | 49    | 7,0      | Bảy      |           |
| 50  | Dương Thị Tuyền      | 50    | 8,0      | Tám      |           |
| 51  | Ma Văn Thủy          | 51    | 7,0      | Bảy      | B4-K58KTT |
| 52  | Lê Thị Kiều Chinh    | 52    | 7,0      | Bảy      | B4-K58KTT |

| STT | Họ và tên       | Số BD | Điểm thi | Bằng chữ | Ghi chú   |
|-----|-----------------|-------|----------|----------|-----------|
| 53  | Nguyễn Thị Thuỳ | 53    | 8,0      | Tám      | B4-K58KTT |
| 54  | Dương Thị Diễm  | 54    | 8,0      | Tám      | B4-K58KTT |

**KHOA LÝ LUẬN CƠ SỞ**  
**PHÓ PHỤ TRÁCH KHOA**



**Nguyễn Văn Tuấn**

**T/L HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH**



**Nguyễn Thị Hồng Mây**

